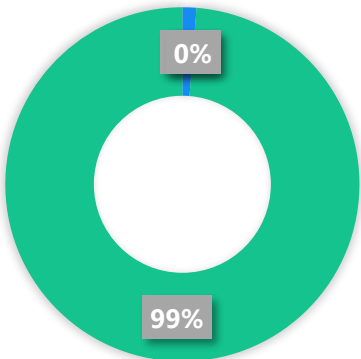


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,500	
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,800	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,200	
SL cổ phiếu LH	2,237,280	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,055	
% sở hữu nước ngoài	1.3%	
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	19	
P/E	7.9	
EPS	1,081	

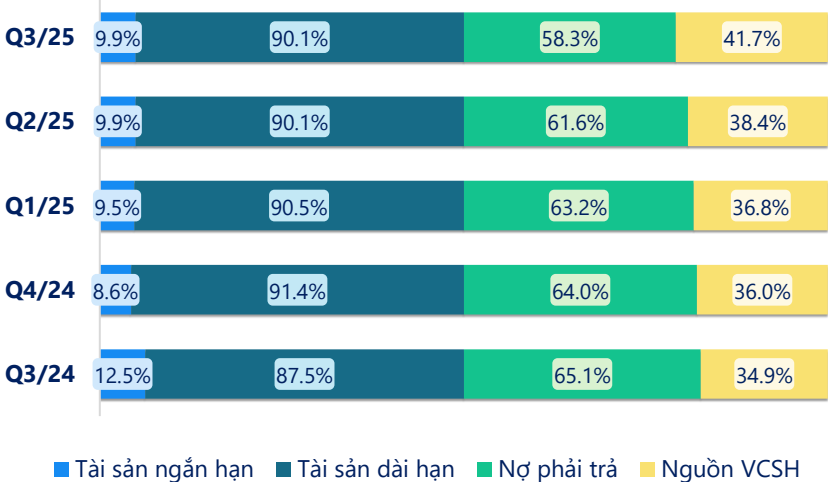
	YTD	1T	3T	6T
DPC	0.0%	6.3%	-29.2%	-11.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu sở hữu



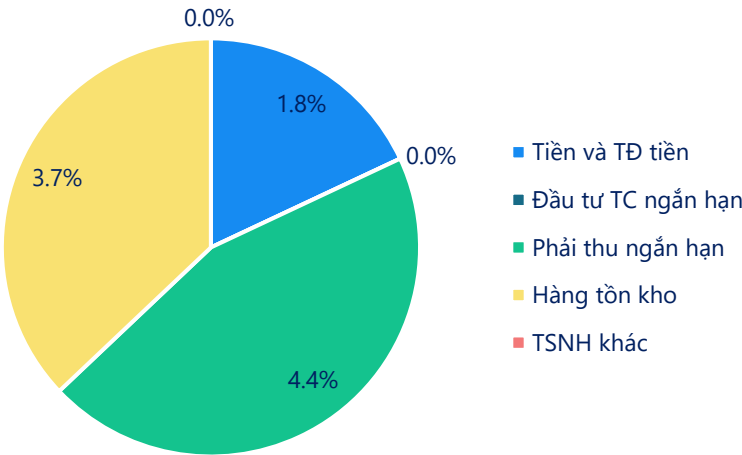
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



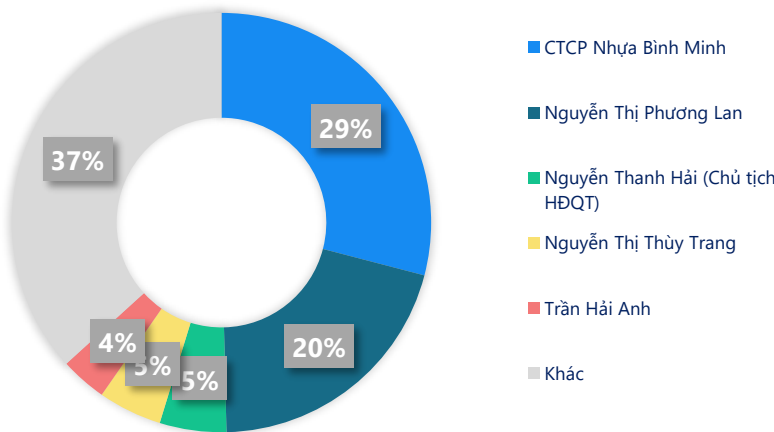
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



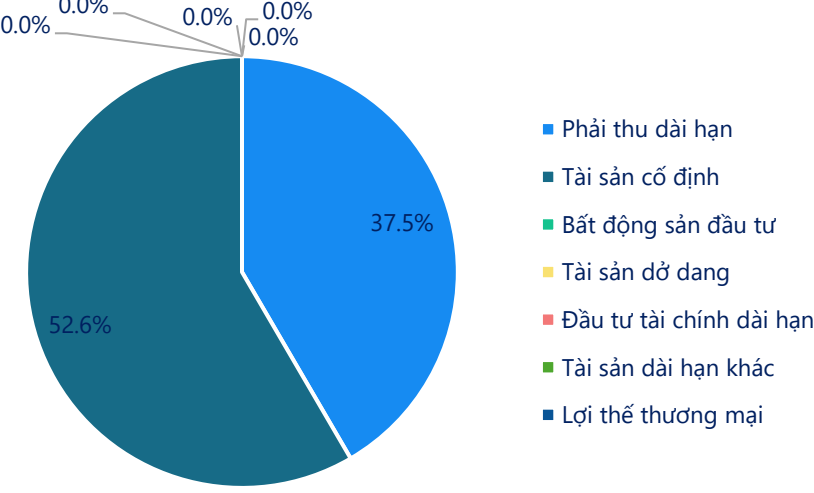
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

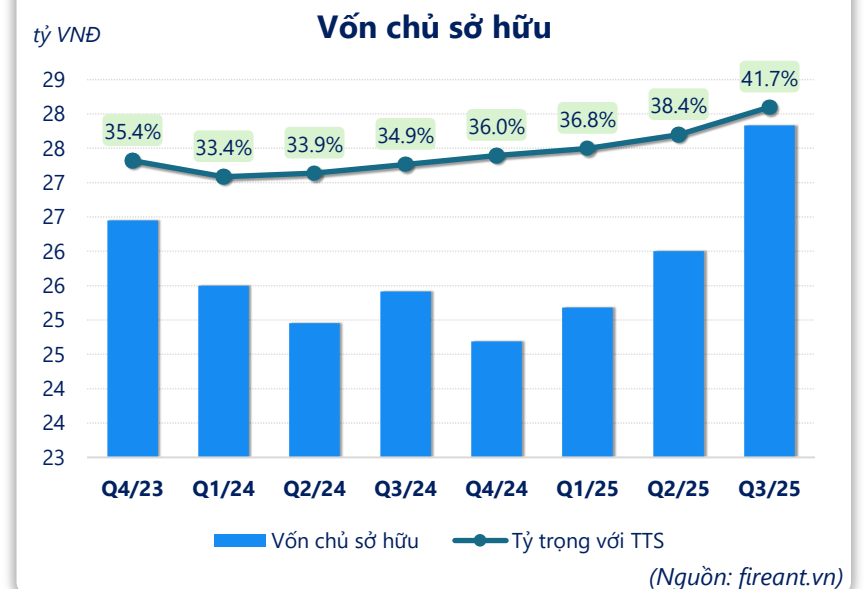
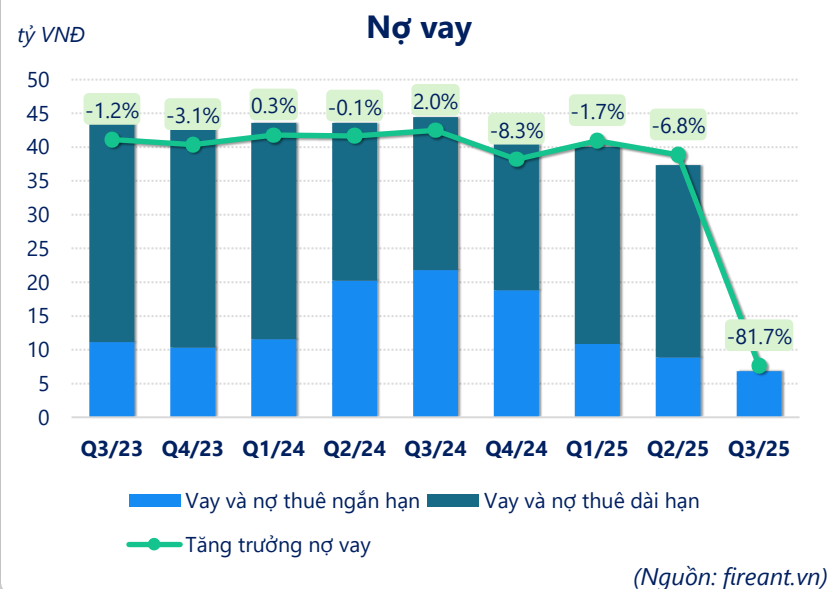
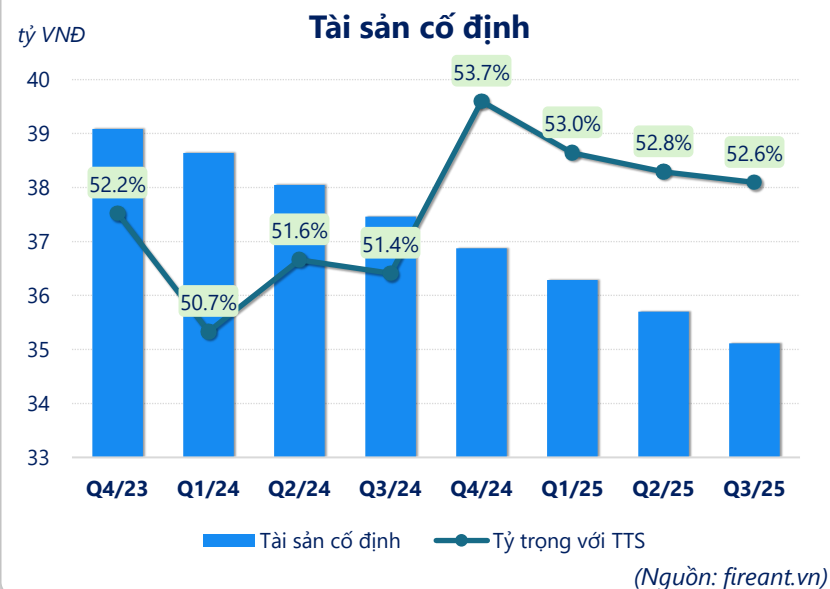
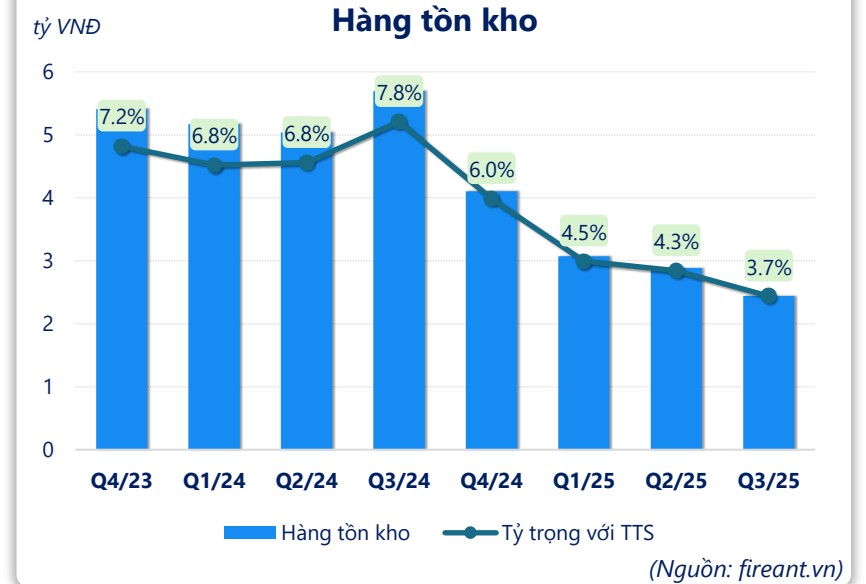
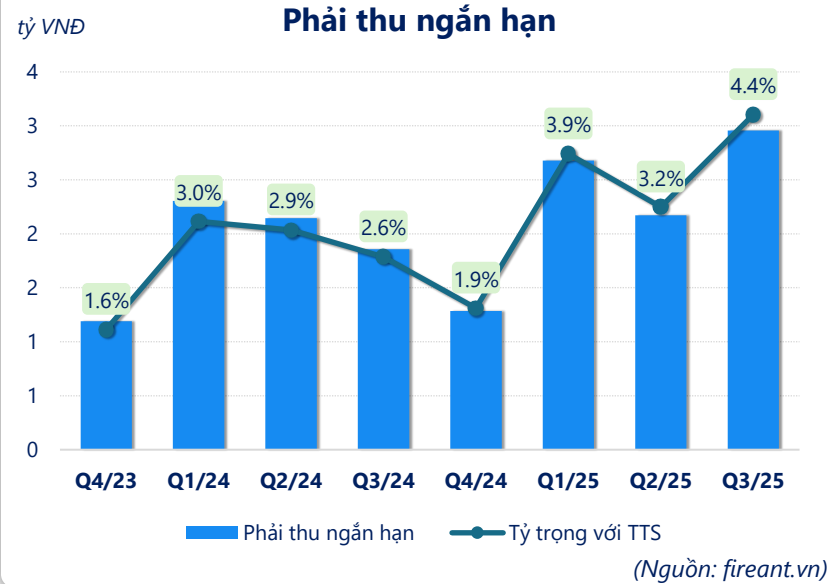
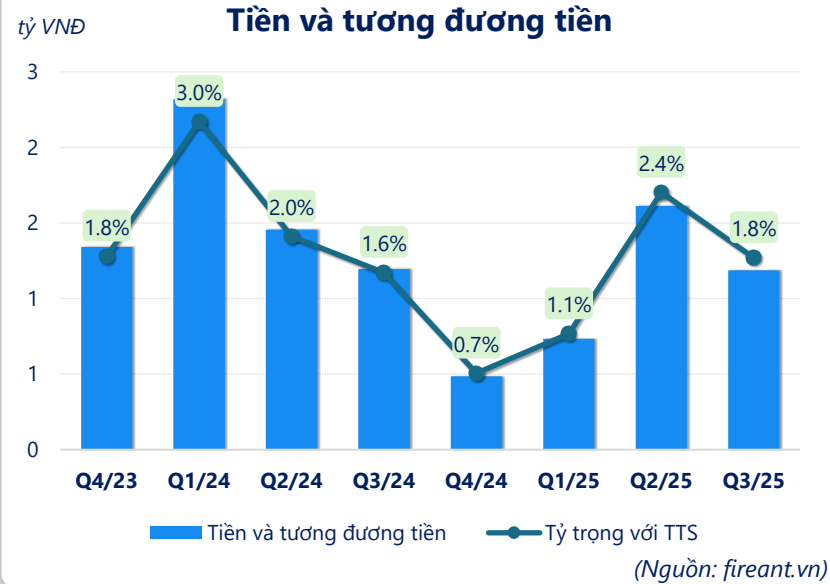


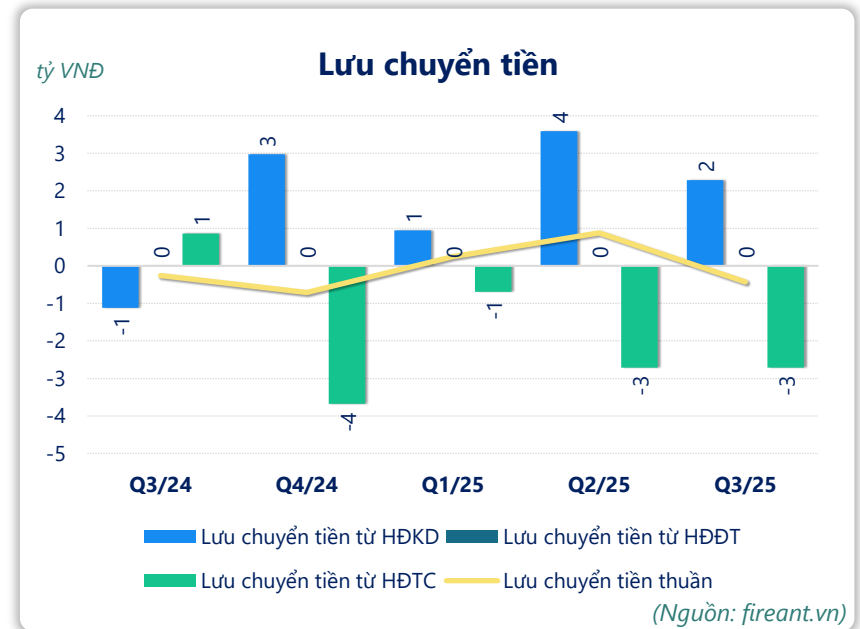
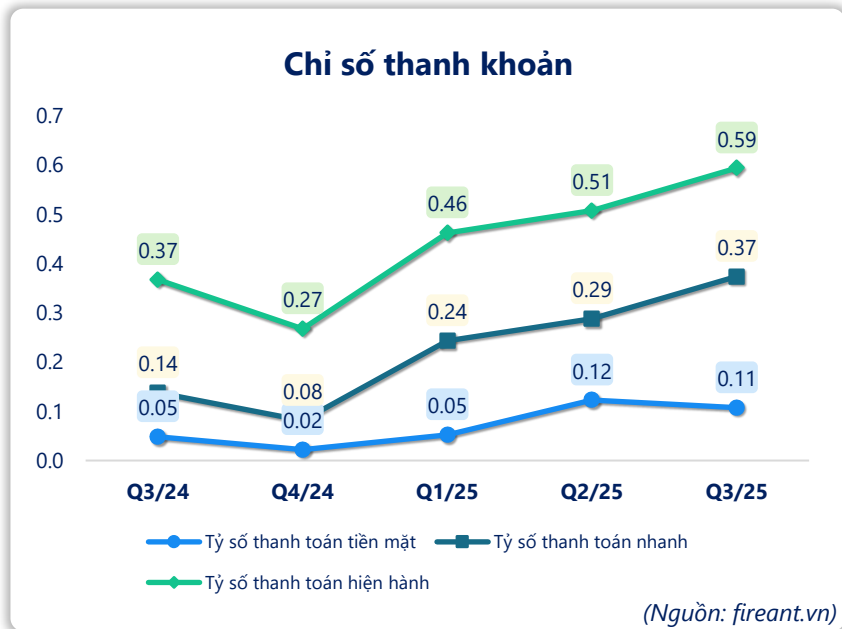
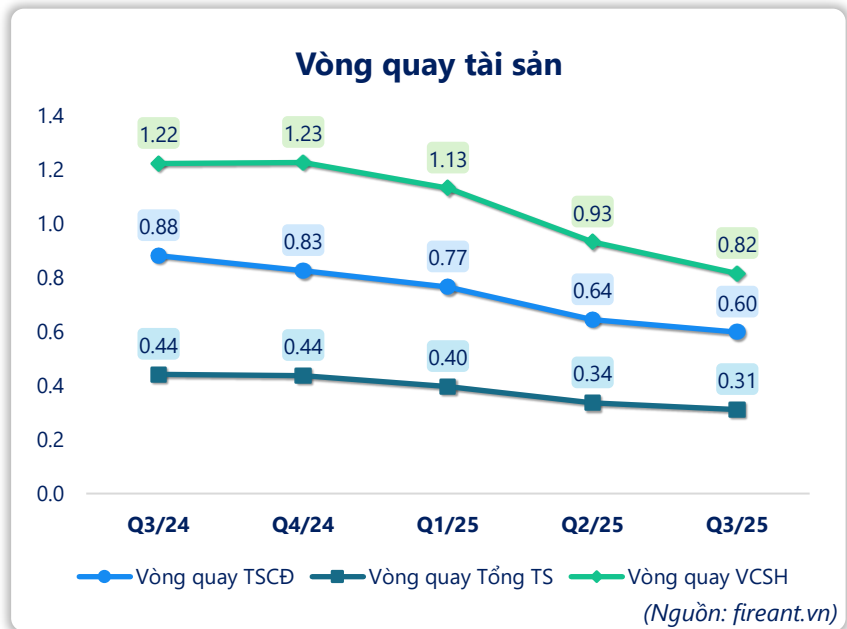
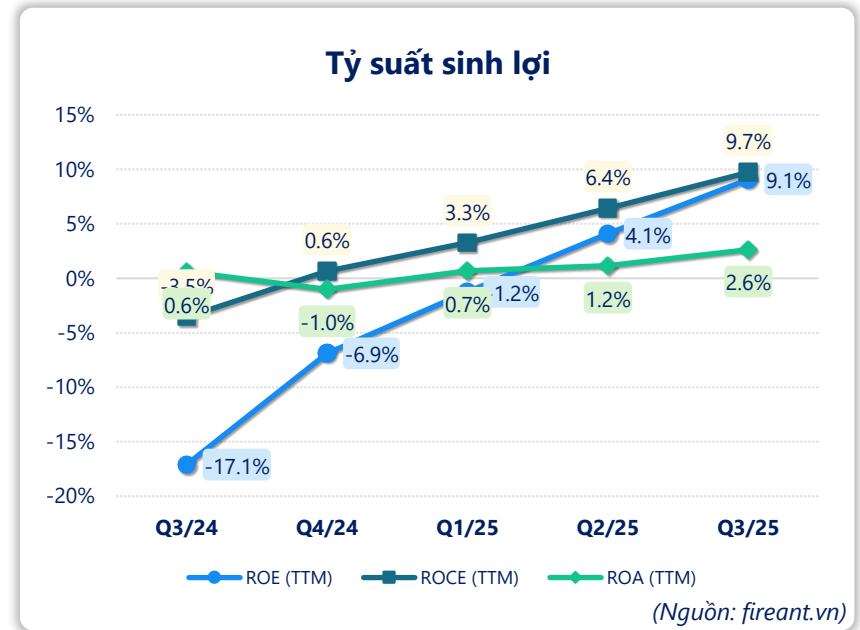
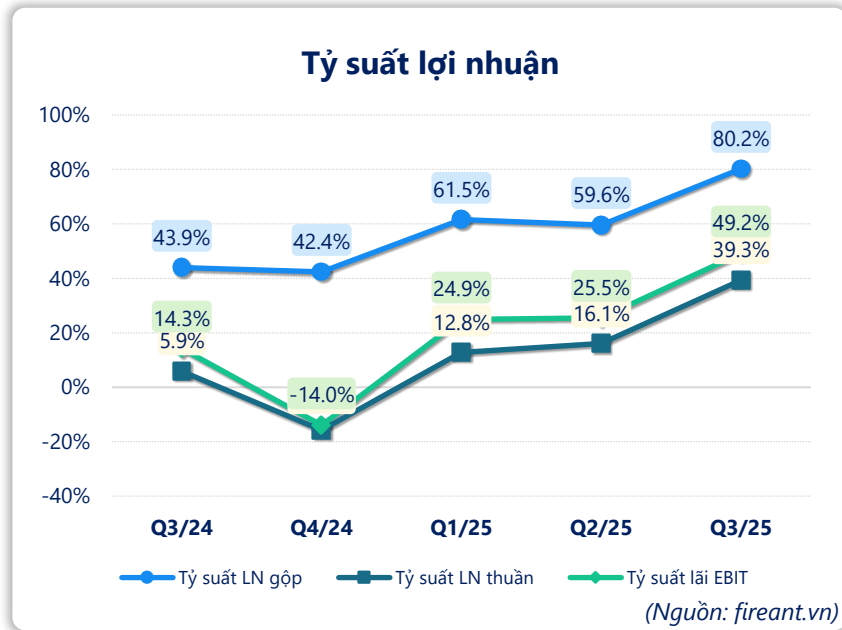
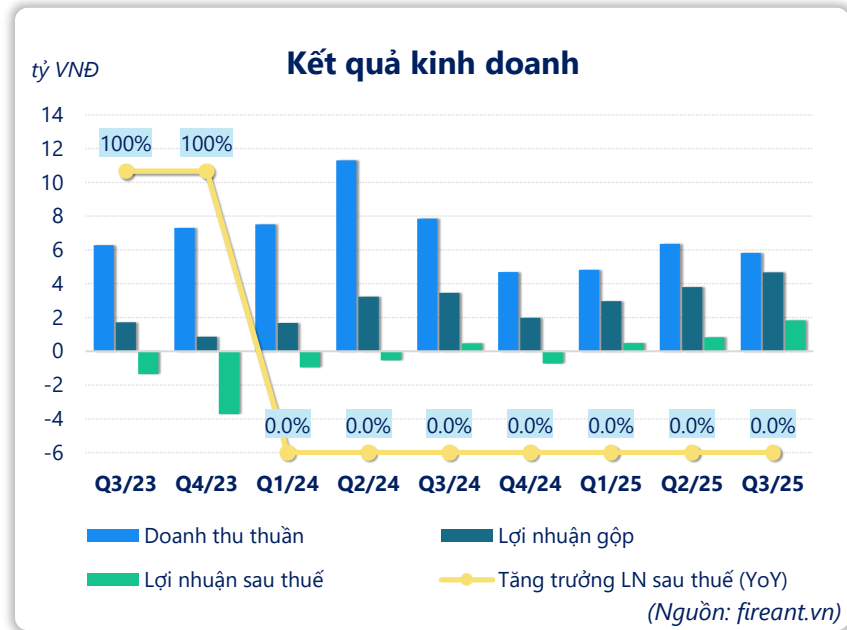
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	66.7	68.6	-2.8%
Tài sản ngắn hạn	6.58	5.89	11.7%
Tiền và tương đương tiền	1.19	0.49	144%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.96	1.29	130%
Hàng tồn kho	2.44	4.10	-40.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.02	-100%
Tài sản dài hạn	60.1	62.8	-4.2%
Phải thu dài hạn	25.0	0	
Tài sản cố định	35.1	36.9	-4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	25.9	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	38.9	44.0	-11.6%
Nợ ngắn hạn	11.1	14.0	-21.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.85	10.8	-36.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.47	0.43	8.2%
Nợ dài hạn	27.8	29.9	-7.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	29.9	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	27.8	24.7	12.7%
Vốn chủ sở hữu	27.8	24.7	12.7%
Vốn điều lệ	22.4	22.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	7.86	4.69	4.83	6.36	5.83
Giá vốn hàng bán	4.41	2.70	1.86	2.57	1.15
Lợi nhuận gộp	3.45	1.99	2.97	3.79	4.68
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.78	0.78	0.64	0.68	0.61
Chi phí lãi vay	0.66	0.07	0.59	0.60	0.57
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.46	1.12	1.07	1.43	1.11
Chi phí QLDN	0.76	0.83	0.64	0.67	0.67
LN thuần từ HĐKD	0.46	-0.74	0.62	1.02	2.29
Lợi nhuận khác	0	0.01	0.00	0	0
LN trước thuế	0.46	-0.73	0.62	1.02	2.29
Lợi nhuận sau thuế	0.46	-0.73	0.49	0.82	1.83
LNST của CĐ cty mẹ	0.46	-0.73	0.49	0.82	1.83

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.12	2.97	0.94	3.59	2.28
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.86	-3.68	-0.70	-2.71	-2.71
Tiền đầu kỳ	1.46	1.20	0.49	0.73	1.61
Lưu chuyển tiền thuần	-0.26	-0.71	0.25	0.88	-0.43
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.20	0.49	0.73	1.61	1.19

(Nguồn: fireant.vn)